

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG VII NĂM 1996

Sáng sớm ngày 24, bão số 2 đã đổ bộ vào vùng đồng bằng Bắc Bộ. Gió mạnh và mưa to do bão trên một vùng rộng lớn đã gây thiệt hại nặng về người và của ở hầu hết các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.

Tren các sông ở Bắc Bộ đã có lũ lớn, có sông đã xuất hiện lũ rất lớn vào những ngày cuối tháng do mưa to của bão số 2.

I- TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Bão số 2 (FRANKIE 9607)

Trưa ngày 21, một áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) trên vùng biển đông bắc quần đảo Hoàng Sa (Biển Đông) đã mạnh lên thành bão. Vị trí trung tâm bão lúc 13 h ngày 21 ở khoảng 17,3 độ vĩ bắc-112,7 độ kinh đông; sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm bão cấp 8.

Bão di chuyển theo hướng giữa tây tây bắc và tây bắc; trong quá trình di chuyển, bão mạnh dần lên đến cấp 9. Chiều tối và đêm 22, bão đi qua đảo Hải Nam. Sáng sớm ngày 23, bão xuống vịnh Bắc Bộ và chiều tối ngày 23, bão đi qua vùng biển phía nam đảo Bạch Long Vĩ, gây ra gió mạnh 34m/s, giạt 40m/s tại đảo này. Gần sáng ngày 24, bão đổ bộ vào đồng bằng Bắc Bộ, tâm bão đi qua Văn Lý (Nam Hà). Tại Văn Lý đã đo được gió mạnh 20m/s, giạt 32m/s (cấp 8, giạt cấp 11). Sau khi vào bờ, bão dần dần lên, tiếp tục di chuyển theo hướng tây tây bắc, qua địa phận tỉnh Hòa Bình rồi thành ATNĐ di chuyển sang Thượng Lào (hình 1).

Bão đã gây gió mạnh trên một khu vực rộng lớn thuộc nhiều tỉnh ở đồng bằng Bắc Bộ, Quảng Ninh và Bắc Thanh Hóa. Gió mạnh cấp 10, cấp 11, giạt cấp 12 ở Hải Phòng, Thái Bình; cấp 9, cấp 10, giạt cấp 12 ở Ninh Bình; cấp 8, cấp 9, giạt cấp 10 ở Nam Hà; cấp 8 ở Quảng Ninh, Bắc Thanh Hóa. Như vậy, gió mạnh nhất chủ yếu nằm ở rìa phía bắc của bão.

Do ảnh hưởng của bão, một đợt mưa to trên một khu vực rộng lớn ở Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Trị trong hai ngày 23 và 24.

b) Nắng nóng

Nhiều nơi thuộc khu vực từ Thanh Hóa đến Bình Định và một vài nơi thuộc Bắc Bộ có một số ngày nắng nóng. Nhiệt độ cao nhất thuộc khu vực từ Thanh Hóa đến Quảng Trị đạt từ 38 đến 40°C.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ xấp xỉ TBNN (trung bình nhiều năm).

Nhiệt độ thấp nhất : 13,8°C xảy ra ngày 4 tại Đà Lạt (Lâm Đồng).

Nhiệt độ cao nhất : 39,9°C xảy ra ngày 16 tại Tĩnh Gia (Thanh Hóa).

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi thuộc Nam Bộ, vùng đồng bằng Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Quảng Trị có lượng mưa tháng cao hơn TBNN; còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có lượng mưa tháng thấp nhất là Nha Trang (Khánh Hòa): 8mm (-35mm).

Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là Sa Pa (Lào Cai) : 686mm (+233mm).

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi thuộc khu vực từ Thanh Hóa đến Quảng Nam - Đà Nẵng có số giờ nắng cao hơn TBNN; còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Mù Cang Chải (Yên Bái) : 55 giờ (-72giờ).

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Ba Đồn (Quảng Bình) : 328 giờ (+ 71giờ) .

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở khu vực từ Thanh Hóa đến Quảng Trị, thời tiết ít mưa 20 ngày đầu tháng đã gây hạn khá nghiêm trọng. Vào tuần cuối tháng, cơn bão số 2 đã gây mưa to, gió lớn ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ và Thanh Hóa gây thiệt hại to lớn đến sản xuất nông nghiệp.

II- TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Trong hai tuần đầu tháng trên các sông đã liên tiếp xuất hiện lũ vừa và nhỏ. Vào tuần cuối tháng ở các sông đã có lũ lớn, có sông xuất hiện lũ rất lớn như sông Thao tại trạm thị xã Yên Bái, xảy ra đỉnh lũ cao nhất đo được trong tháng VII của nhiều năm qua.

Lượng dòng chảy trên các sông suối và đến các hồ đập đều lớn hơn mức TBNN cùng thời kỳ từ 10-20%, có nơi trên 20%.

- Trên sông Đà, lưu lượng nước đến hồ Hòa Bình lớn nhất: $13.400\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 25), nhỏ nhất: $3250\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 3) trung bình: $5780\text{m}^3/\text{s}$, vượt mức TBNN khoảng 30%.

- Trên sông Thao tại Yên Bái đã xuất hiện lũ rất lớn vào tuần cuối tháng, gây ngập lụt nhiều vùng ở thị xã Yên Bái, có nơi sâu đến 2m. Mức nước cao nhất tháng : 33,03m (ngày 25), mức nước thấp nhất : 27,77m (ngày 3).

- Trên sông Lô tại Tuyên Quang, mức nước cao nhất : 23,33m (ngày 31), mức nước thấp nhất : 18,37m (ngày 3).

- Trên sông Hồng tại Hà Nội, nhờ có sự điều tiết của hồ Hòa Bình và Thác Bà nên mức nước cao nhất đo được : 10,93m (ngày 26), trên mức báo động II 43cm. Nếu trong điều kiện tự nhiên, mức nước cao nhất lên đến mức 11,6m, cao hơn báo động III 10cm. Mức nước thấp nhất : 7,18m (ngày 19) và mức nước trung bình : 8,76m, cao hơn TBNN cùng thời kỳ 0,84cm.

- Trên sông Thái Bình tại Phả Lại, trong hai tuần đầu chỉ có lũ nhỏ, vào tuần cuối đã có lũ lớn, mức nước đỉnh lũ lên gần mức báo động III. Mức nước cao nhất : 5,34m (ngày 27), dưới mức báo động III 16cm, mức nước thấp nhất: 2,91m (ngày 19).

2. Ở Trung Bộ

Do ảnh hưởng của mưa bão số 2, trên các sông ở Bắc Trung Bộ đã có lũ vừa và nhỏ.

Trên sông Mã tại Giàng, mực nước đỉnh lũ : 5,61m (ngày 25), cao hơn mức báo động II : 0,61cm.

Trên sông Cả tại Nam Đàn, mực nước đỉnh lũ : 5,11m (ngày 27), gần mức báo động I.

Mực nước các sông từ Hà Tĩnh trở vào có dao động nhỏ, sông còn ở mức bình thường.

3. Ở Nam Bộ

Vào những ngày đầu tháng, mực nước sông Tiền, sông Hậu đã nhích lên một ít, sau đó ít biến đổi và ở mức thấp. Gần cuối tháng, mực nước các sông lên dần; mực nước cao nhất ngày 31 trên sông Tiền tại Tân Châu là 2,77m, trên sông Hậu tại Châu Đốc là 2,22m, đều cao hơn mức cùng kỳ năm ngoái khoảng 0,6m.

III- TÌNH HÌNH HẢI VẤN

1. Gió và sóng

- *Vùng biển phía bắc* : Hướng gió chủ yếu là nam và đông nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 4-6m/s (cấp 3- 4). Ngoài khơi gió mạnh nhất 20-25m/s (cấp 8-10). Hướng sóng chủ yếu là nam và đông nam. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,75-1,00m (cấp III). Ngoài khơi sóng cao nhất 4-6m (cấp VI-VII).

- *Vùng biển phía nam* : Hướng gió chủ yếu là tây nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 3-5m/s (cấp 3) . Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất 18-22m/s (cấp 8-9). Hướng sóng chủ yếu là tây nam. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,50-0,75m (cấp II- III) . Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 3-4m (cấp V-VI).

2. Nhiệt độ nước biển

- *Vùng biển phía bắc*: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 29-31°C, cao nhất 32-34°C, thấp nhất 26-28°C.

- *Vùng biển phía nam*: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 28-30°C, cao nhất 31-33°C, thấp nhất 25-27°C.

3. Độ mặn nước biển

- *Vùng biển phía bắc*: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 25-27‰, cao nhất 28-30‰, thấp nhất 22-24‰.

- *Vùng biển phía nam*: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 29-31‰, cao nhất 32-34‰, thấp nhất 26-28‰.

**Trung tâm quốc gia dự báo KTTV
và Trung tâm KTTV biển biên soạn**

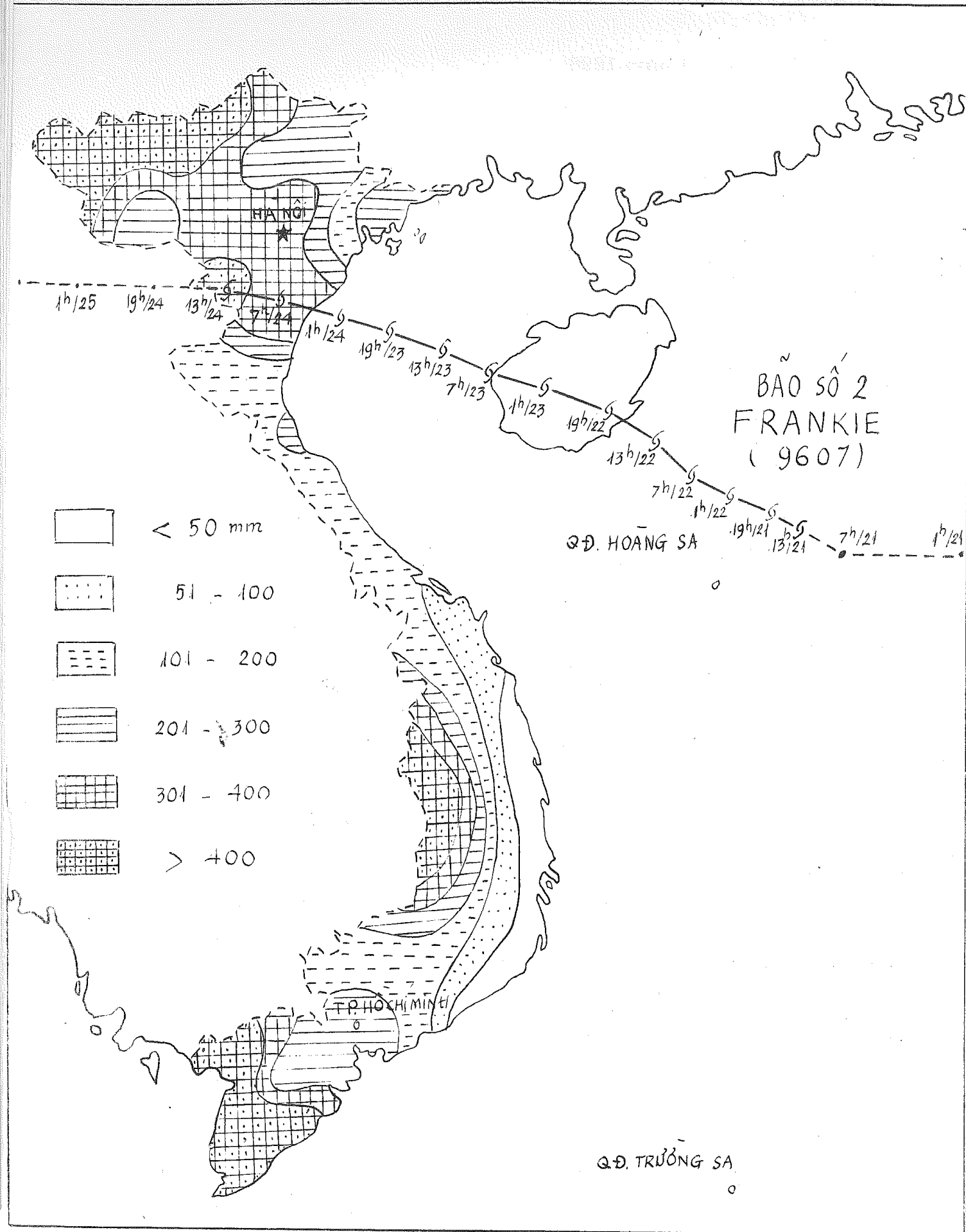
Đặc trưng một số yếu tố khí tượng

Số Thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ(°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	26,2	-0,3	30,1	35,6	22	24,8	22,3	12	90	59	22
2	Điện Biên	25,5	-0,2	29,2	32,5	9	23,4	22,5	17	87	78	2
3	Sơn La	24,8	-0,2	29,0	32,2	7	22,4	21,1	11	86	58	6
4	Sa Pa	19,7	-0,1	22,5	26,3	28	18,0	16,2	23	89	65	9
5	Lao Cai	27,8	+0,1	31,5	37,3	27	25,4	24,0	12	88	47	27
6	Yên Bái	28,0	0,0	32,2	35,7	2	25,3	23,7	11	88	60	2
7	Hà Giang	27,5	-0,3	31,5	36,3	22	24,9	23,4	8	89	54	22
8	Tuyên Quang	28,6	+0,5	32,5	35,6	16	25,3	24,2	29	83	61	16
9	Lạng Sơn	27,2	+0,2	31,4	34,4	27	24,3	22,6	3	84	59	27
10	Cao Bằng	27,1	-0,2	31,6	34,6	26	24,6	22,8	11	83	54	16
11	Thái Nguyên	28,7	+0,2	32,8	35,3	16	25,9	23,3	15	84	55	16
12	Bắc Giang	29,1	+0,1	32,8	35,8	2	26,2	23,3	15	83	50	2
13	Phú Thọ	28,7	+0,4	32,7	36,7	16	25,8	23,8	6	84	52	16
14	Hòa Bình	28,5	+0,2	33,0	35,6	7	26,9	24,6	3	84	60	1
15	Hà Nội (Láng)	29,6	+0,7	33,9	37,7	2	26,7	24,5	8	79	44	2
16	Tiên Yên	28,5	+0,7	31,1	34,8	2	25,8	24,5	1	86	63	1
17	Hòn Gai	29,1	+0,6	31,6	34,4	22	26,9	22,9	12	80	64	22
18	Phù Lãng	28,6	+0,4	32,0	34,5	16	26,4	22,2	12	85	59	28
19	Thái Bình	29,1	-0,1	32,4	35,3	10	26,7	22,4	12	85	59	10
20	Nam Định	29,6	+0,3	33,6	35,7	10	27,0	23,0	12	80	50	16
21	Thanh Hóa	29,5	+0,5	34,1	38,2	16	26,5	23,4	24	78	43	2
22	Vinh	30,3	+0,7	35,0	38,7	15	26,9	23,9	22	69	41	15
23	Đồng Hới	29,6	-0,1	33,6	38,0	15	26,0	23,2	5	70	40	15
24	Huế	29,1	-0,3	35,5	38,1	10	24,6	22,6	6	82	39	18
25	Đà Nẵng	29,2	+0,1	34,6	37,5	1	25,7	24,1	4	75	45	29
26	Quảng Ngãi	29,2	+0,2	34,2	37,1	19	25,4	23,7	5	77	43	27
27	Quy Nhơn	29,8	+0,1	34,1	37,0	16	27,0	25,6	9	71	43	17
28	Plây Cu	22,3	-0,1	26,7	29,7	6	19,7	17,3	10	93	64	5
29	Buôn Ma Thuột	24,1	-0,2	29,1	32,3	1	21,4	19,9	22	87	55	2
30	Đà Lạt	18,3	-0,6	22,7	25,5	14	15,2	13,8	4	89	61	5
31	Nha Trang	28,3	0,0	32,2	34,4	23	25,4	23,7	22	77	57	25
32	Phan Thiết	27,4	+0,5	31,1	33,1	5	25,0	23,2	17	81	55	12
33	Vũng Tàu	27,6	+0,2	30,4	32,2	3	25,2	23,1	26	81	59	3
34	Tây Ninh	26,8	0,0	31,9	33,9	2	23,8	22,5	31	84	58	2
35	T.P Hồ Chí Minh	27,2	+0,1	32,3	34,5	2	24,2	22,1	15	83	53	3
36	Tiên Giang	26,8	-0,2	31,3	33,8	3	24,1	22,0	21	88	54	2
37	Cần Thơ	26,7	-0,1	31,4	33,7	2	24,3	22,9	21	90	60	3
38	Sóc Trăng	26,6	-0,5	30,7	32,9	1	23,8	21,7	22	89	57	1
39	Rạch Giá	27,3	-0,8	29,4	32,5	3	24,5	23,0	19	87	60	3
40	Cà Mau	27,3	+0,2	31,8	33,6	2	24,4	21,2	22	86	64	4

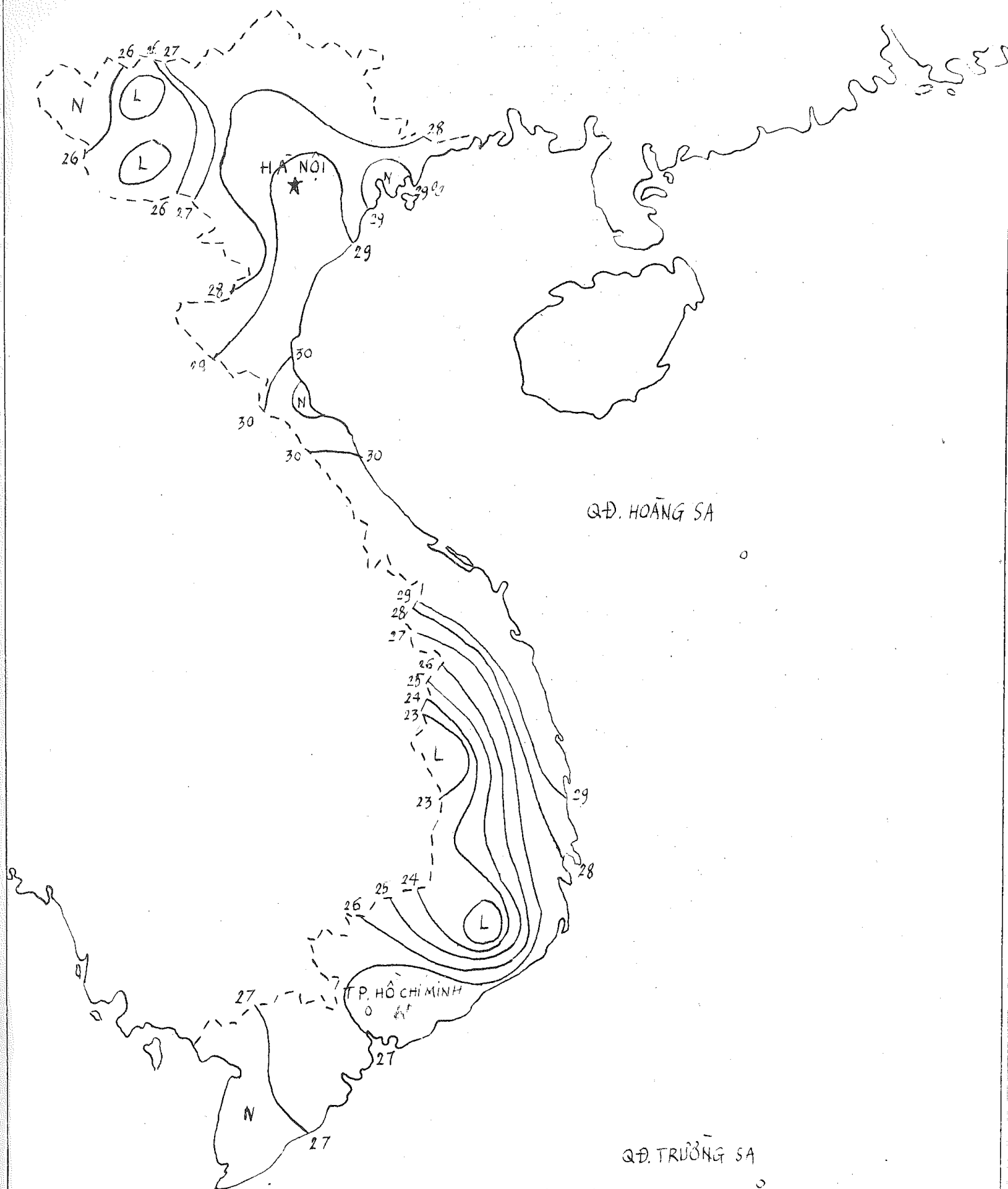
CHÚ THÍCH: Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng

của các trạm tháng VII năm 1996

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Gió tây khô nóng		Đông	Mưa phèn	
				Có mưa dài nhất	Không mưa dài nhất							Nhẹ	mạnh			
566	+132	84	18	14	1	28	36	4	22	61	-69	0	0	3	0	1
545	+231	100	23	11	3	22	28	4	7	96	-44	0	0	9	0	2
235	-42	50	30	15	3	24	52	3	27	112	-45	0	0	9	0	3
686	+233	160	24	13	3	26	55	2	1	67	-43	0	0	7	0	4
418	+117	90	19	9	3	21	56	5	27	98	-69	0	0	4	0	5
342	-4	80	24	9	4	21	64	4	8	124	-52	0	0	18	0	6
450	-66	80	4	11	2	26	52	3	24	92	-76	1	0	16	0	7
295	+60	40	30	5	3	20	89	5	9	141	-53	0	0	16	0	8
190	-68	60	24	6	4	20	140	8	1	144	-47	0	0	14	0	9
244	-21	70	12	5	2	19	81	5	16	117	-85	0	0	16	0	10
339	-53	110	30	7	2	21	91	5	2	138	-58	1	0	19	0	11
341	+83	90	30	8	6	17	92	5	2	168	-46	0	0	16	0	12
336	-46	100	24	8	3	20	95	7	16	135	-66	2	0	18	0	13
399	+68	180	24	5	3	21	88	7	1	172	-18	0	0	21	0	14
308	+20	80	24	4	3	17	102	7	2	159	-24	5	1	14	0	15
299	-147	110	24	5	4	15	74	6	23	191	x	0	0	11	0	16
252	-120	110	24	4	5	12	88	5	1	170	-36	0	0	10	0	17
176	-98	90	24	4	4	14	69	4	1	175	-15	0	0	13	0	18
331	+97	150	24	4	6	12	110	7	2	198	-29	0	0	7	0	19
346	+116	180	24	4	7	11	110	6	2	120	-102	5	0	10	0	20
339	+136	220	24	5	6	11	130	8	17	213	+1	6	3	8	0	21
141	+19	60	22	5	20	5	220	12	28	220	+14	17	3	3	0	22
172	+85	100	23	3	16	5	181	10	27	234	14	9	2	3	0	23
52	-43	30	20	3	8	8	148	9	28	262	+4	20	4	13	0	24
60	-26	30	22	3	7	6	122	7	29	281	+25	15	0	5	0	25
22	-54	10	21	3	21	6	106	6	29	223	-37	6	0	5	0	26
15	-40	10	28	6	20	9	151	10	4	214	-55	6	0	14	0	27
624	+171	150	21	29	2	29	40	3	6	155	+17	0	0	14	0	28
391	+125	68	8	30	1	30	65	4	1	149	-30	0	0	17	0	29
147	-76	20	1	17	1	29	63	3	14	x	x	0	0	8	0	30
8	-35	1	13	2	12	5	134	6	18	196	-49	0	0	1	0	31
198	-26	60	17	9	2	22	114	6	22	162	-49	0	0	15	0	32
243	+30	60	19	6	4	18	x	4	21	155	-66	0	0	9	0	33
139	-108	20	4	6	2	23	65	3	23	169	-33	0	0	12	0	34
281	-13	60	15	9	2	24	74	4	2	118	-62	0	0	17	0	35
208	+6	70	26	11	3	24	63	3	28	148	-65	0	0	14	0	36
243	+16	43	29	21	3	28	50	3	3	140	-45	0	0	15	0	37
404	+156	50	24	17	3	25	37	2	12	x	x	0	0	11	0	38
622	+363	40	24	16	3	28	61	3	1	140	-38	0	0	24	0	39
473	+150	97	22	22	4	24	53	3	7	129	-31	0	0	19	0	40



Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng VII năm 1996



Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng VII năm 1996